TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM
TỈNH B GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày: 18-09-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- M phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Thanh Cường
2. Ông Nguyễn Hữu Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HĐVTS ngày 24 tháng 03 năm 2023 về: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 07 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; có mặt
Địa chỉ: Số nhà 23C, ngõ 46, tổ 4B, đường H, M phố B Giang, tỉnh B Giang;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975; có mặt
Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1976; vắng mặt
Cùng địa chỉ: Số nhà 32, phố Y, thị trấn Q, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Ông Nguyễn Mạnh M, sinh năm 1956; có mặt
Địa chỉ: Số nhà 23C, ngõ 46, tổ 4B, đường H, M phố B Giang, tỉnh B Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, ngày 11/08/2022, vợ chồng bà là Nguyễn Thị B, Nguyễn Mạnh M có chuyển khoản cho vợ chồng anh Vũ Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích L vay nóng số tiền là 1.500.000.000 đồng, để vợ chồng anh T, chị L làm thủ tục giải ngân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam, tỉnh B Giang. Lãi suất thỏa thuận miệng là 10.000.000 đồng/tháng. Ngày 12/08/2022, sau khi ngân hàng giải

ngân cho vợ chồng anh T 700.000.000 đồng, vợ chồng anh T đã trả vợ chồng bà 700.000.000 đồng, số tiền 800.000.000 đồng còn lại, anh T, chị L nói là ngân hàng chưa giải ngân nên chưa trả vợ chồng bà được. Ngày 05/09/2022, anh Vũ Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích L đã viết giấy xác nhận còn nợ vợ chồng bà 800.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 tháng, kể từ ngày viết giấy nhận nợ. Từ khi vay đến nay anh T đã chuyển trả cho bà được 04 lần tiền lãi với số tiền là 40.000.000 đồng, khi trả các bên không lập văn bản, ngày tháng trả cụ thể bà không nhớ. Đến hạn, vợ chồng bà nhiều lần gọi điện thoại, đến nhà yêu cầu anh T, chị L phải trả vợ chồng bà số tiền trên nhưng anh T, chị L không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Vũ Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích L phải trả vợ chồng bà số tiền gốc còn nợ là 800.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 10%/năm từ ngày 05/12/2022 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Ngọc T trình bày: Ngày 11/08/2022, vợ chồng ông có vay của bà Nguyễn Thị B số tiền 1.500.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh huyện Lục Nam. Các bên thỏa thuận tiền lãi là 10.000.000 đồng/tháng, ông đã chuyển trả 10.000.000 đồng tiền lãi cho bà B trước khi bà B chuyển khoản cho vợ chồng ông vay số tiền trên. Ngày 12/08/2022, sau khi nhận được 700.000.000 đồng tiền giải ngân của ngân hàng, ông đã chuyển trả bà B ngay, số tiền còn lại 800.000.000 đồng do ngân hàng chưa giải ngân nên ông chưa trả được bà B. Ngày 05/09/2022, vợ chồng ông viết giấy vay tiền với nội dung, vợ chồng ông còn nợ vợ chồng bà B, ông M số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 tháng. Lãi suất vẫn theo thỏa thuận miệng là 10.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 11/08/2022 đến nay ông đã trả được bà B 40.000.000 đồng tiền lãi, ngày tháng trả cụ thể ông không nhớ. Nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn, ông đồng ý trả vợ chồng bà B số nợ gốc là 800.000.000 đồng, nhưng ông xin được trả dần, còn tiền lãi ông không đồng ý trả.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đồng ý với lời khai của chồng bà là ông Vũ Ngọc T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, ông Nguyễn Mạnh M nhất trí với lời khai của vợ ông là nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải L đới trả vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh M số tiền gốc đã vay là 800.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, từ ngày 05/12/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

- Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải trả số tiền đã vay là 800.000.000 đồng và lãi suất chậm trả. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gọi chung là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh B Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh B Giang.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Do có mối quan hệ quen biết, ngày 11/08/2022 bà Nguyễn Thị B chuyển khoản cho vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L vay nóng số tiền là 1.500.000.000 đồng để đảo nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam, tỉnh B Giang. Ngày 12/08/2022, nhận được tiền giải ngân của ngân hàng, vợ chồng ông T đã trả bà B được 700.000.000 đồng, số tiền 800.000.000 đồng còn lại ngày 05/09/2022, hai bên viết giấy vay tiền với nội dung vợ chồng ông T còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị B 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày viết giấy nhận nợ. Đến hạn trả nợ, vợ chồng bà B đi lại đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng chồng ông T không trả.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị B với vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B buộc vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải L đới trả vợ chồng bà 800.000.000 đồng tiền gốc đã vay còn nợ theo giấy vay tiền ngày 05/09/2022 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Khi bà Nguyễn Thị B chuyển khoản cho vợ chồng ông Vũ Ngọc T vay số tiền là 1.500.000.000 đồng cho đến khi các bên lập giấy vay tiền ngày 05/09/2022, các bên không thỏa thuận bằng văn bản, nhưng đều thừa nhận có thỏa thuận miệng lãi suất là 10.000.000 đồng/tháng. Như vậy, xác định là các

bên có thỏa thuận về lãi suất. Từ ngày 11/08/2022 đến nay (18/09/2023), vợ chồng ông T đã trả được bà B 40.000.000 đồng tiền lãi. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Số tiền lãi ông Vũ Ngọc T trả cho bà B không vượt quá quy định trên, các đương sự cũng không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét. Nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải trả vợ chồng bà tiền lãi chậm trả 10%/năm trên số nợ gốc 800.000.000 đồng từ ngày 05/12/2022 (thời hạn ông T, bà L phải trả nợ gốc) đến ngày Tòa án xét xử (18/09/2023) là có căn cứ, được chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải L đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh M số tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng là (từ 05/12/2022 đến 18/09/2023 là 09 tháng 13 ngày x 10%/năm) 62.888.880 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải L đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh M là 862.888.880 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B được chấp nhận nên vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 37.886.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị B 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B Giang theo biên lai thu số: 0014462 ngày 24/03/2023.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc vợ chồng ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải liến đới trả vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh M số tiền gốc đã vay là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 05/09/2022; và 62.888.880 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả bà Nguyễn Thị B 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B Giang theo biên lai thu số: 0014462 ngày 24/03/2023. Ông Vũ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 37.886.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi chục THADS huyện.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân